Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7118.90

Mã HS	7118.90
Mô tả hàng hóa	Tiền kim loại / - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:32:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/711890/

3 dòng thuế thuộc 7118.90

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
7118.90.10	Tiền kim loại / - Loại khác: / - - Tiền bằng vàng, loại pháp định (*) hoặc không phải loại pháp định	kg	37,5%	25%	* / 8 / 10 (nhiều mức)
7118.90.20	Tiền kim loại / - Loại khác: / - - Tiền bằng bạc, loại pháp định (*)	kg	37,5%	25%	* / 8 / 10 (nhiều mức)
7118.90.90	Tiền kim loại / - Loại khác: / - - Loại khác	kg	37,5%	25%	* / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.